



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



Số: 39/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	176M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	09/11/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	176M ₂ 01/15	Hộ Dân thôn 2- Hòa Vinh			09/11/2015 10g00-10g15	
3	177M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	09/11/2015 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
4	178M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	09/11/2015 8g30-8g45	
5	178M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			09/11/2015 9g00-9g15	
6	178M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			09/11/2015 9g30-9g45	
7	179B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			09/11/2015 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				176M ₁ 01/15	176M ₂ 01/15	177M ₁ 01/15	178M ₁ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.34	6.97	6.84	6.92
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.31	0.74	0.50	0.66
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	0.03	KPH	0.03
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.99	17.36	17.72	17.36
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	50.29	49.79	50.15	50.80
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.70	7.00	6.70	6.80
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	9.73	9.29	6.64	7.52
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.50	6.70	9.70	6.80
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	0.01	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.52	0.46	0.39	0.46
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	0.005	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	0.44

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				178M ₂ 01/15	178M ₃ 01/15	179B01/15	
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.87	6.89	6.90	
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.49	0.55	0.44	
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	0.03	KPH	
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.99	17.36	16.99	
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	51.30	51.30	51.80	
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	7.60	8.30	7.70	
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	7.52	7.08	7.86	
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.00	6.80	6.50	
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.39	0.46	
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	0.005	
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0.53	

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa , ngày 16 tháng 11 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



K.S. Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân

Nguyễn Tấn Thuận